

KẾT QUẢ ĐIỂM THI THỰC HÀNH VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2024-2025

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
1	TD2024001	Trần Thị Bảo Nhi	14/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Công nghệ (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91
2	TD2024002	Phạm Võ Thành Đạt	08/07/1999	Nam	Giáo viên môn Địa Lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76.5		76.5
3	TD2024003	Phan Lê Như Hoàng	20/01/2002	Nữ	Giáo viên môn Địa Lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		68.5		68.5
4	TD2024004	Đỗ Đức Phú	14/06/2000	Nam	Giáo viên môn Địa Lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
5	TD2024008	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/09/2002	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục kinh tế & Pháp luật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		86		86
6	TD2024005	Triệu Quý Cận	09/10/1967	Nam	Giáo viên môn Giáo dục kinh tế & Pháp luật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84
7	TD2024007	Trần Thu Thủy	10/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục kinh tế & Pháp luật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84
8	TD2024009	Phan Thu Trang	21/01/1998	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục kinh tế & Pháp luật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78		78
9	TD2024006	Lương Thị Thanh Thảo	02/03/2001	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục kinh tế & Pháp luật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
10	TD2024013	Hà Thị Diệu	05/03/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91
11	TD2024016	Bùi Thị Thu Hà	24/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88		88
12	TD2024018	Nguyễn Thị Bích Huyền	03/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85
13	TD2024026	Nguyễn Văn Tân	09/09/1983	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84
14	TD2024019	Nguyễn Hồng Huynh	01/04/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83		83
15	TD2024028	Trần Nguyễn Hà Trang	12/11/1998	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83		83
16	TD2024010	Nguyễn Quốc Anh	13/01/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82
17	TD2024027	Phùng Văn Tiệu	22/12/1993	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82
18	TD2024029	Châu Hữu Trí	20/03/1999	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		82		82
19	TD2024012	Lê Chí Hiễn Đạt	05/12/1998	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80
20	TD2024021	Phan Thị Tùng Lâm	04/10/1999	Nữ	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80
21	TD2024025	Huỳnh Thị Diễm Phượng	20/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80
22	TD2024017	Trần Minh Hậu	27/01/1998	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78		78

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
23	TD2024023	Hà Phúc Thiên Ngân	13/04/2002	Nữ	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		78		78
24	TD2024022	Nguyễn Hải Minh	04/10/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76		76
25	TD2024014	Nguyễn Viết Dũng	20/07/1993	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74
26	TD2024030	Nguyễn Vũ Vịnh	01/01/1989	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74
27	TD2024011	Nguyễn Quốc Bảo	10/05/1993	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60
28	TD2024015	Nguyễn Nữ Hoàng Duyên	24/10/1982	Nữ	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
29	TD2024020	Nguyễn Đăng Khoa	17/10/1985	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
30	TD2024024	Trần Hữu Phước	20/10/2002	Nam	Giáo viên môn Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
31	TD2024034	Dương Thủy Tiên	26/08/1993	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83		83
32	TD2024031	Bùi Nguyệt Diễm Châu	11/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81
33	TD2024033	Trần Thị Hồng	10/05/1982	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57		57
34	TD2024032	Nguyễn Hoàng Giang	06/02/2001	Nam	Giáo viên môn Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
35	TD2024040	Võ Hoài Minh	06/08/1998	Nam	Giáo viên môn Quốc phòng & An ninh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
36	TD2024039	Lê Thị Mai Linh	30/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Quốc phòng & An ninh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		76		76
37	TD2024038	Trần Quốc Khánh	10/06/1987	Nam	Giáo viên môn Quốc phòng & An ninh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73		73
38	TD2024050	Đỗ Châu Ngọc Yên	08/06/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91
39	TD2024044	Đạo Thị Ánh Phi	08/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	84	5	89
40	TD2024047	Nguyễn Ngọc Minh Trung	26/10/2002	Nữ	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		84		84
41	TD2024048	Nguyễn Hữu Tuấn	01/01/2002	Nam	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		81		81
42	TD2024041	Trần Thị Ngọc Ánh	28/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79		79
43	TD2024043	Đặng Văn Khoa	02/12/1994	Nam	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74
44	TD2024046	Nguyễn Lê Hoài Thương	20/02/2002	Nữ	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74
45	TD2024049	Hồ Thị Phi Vân	20/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74
46	TD2024042	Trần Đình Khánh Đăng	25/03/2001	Nam	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
47	TD2024045	Phạm Thị Thanh Quy	10/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
48	TD2024059	Đào Thị Cẩm Tú	14/09/1999	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74		74
49	TD2024057	Lê Minh Thành	26/02/2000	Nam	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71
50	TD2024056	Ngô Hoàng Trường Quân	11/10/1984	Nam	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61		61
51	TD2024052	Phan Phúc Định	03/08/1982	Nam	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59		59
52	TD2024055	Nguyễn Kiều Nhật My	04/12/1990	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		50		50
53	TD2024051	Lê Thành Đạt	17/01/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
54	TD2024053	Lê Mạnh Đức	13/12/1999	Nam	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
55	TD2024054	Nguyễn Nam Khang	29/11/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
56	TD2024058	Trần Mạnh Tín	04/05/2002	Nam	Giáo viên môn Giáo dục thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
57	TD2024071	Châu Kiều Thanh	28/07/1995	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		95		95
58	TD2024064	Nguyễn Thị Phượng Liên	07/05/1985	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91
59	TD2024063	Nguyễn Vũ Lâm	10/09/1989	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		90		90
60	TD2024069	Hoàng Quế Phương	25/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		89		89

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
61	TD2024075	Nguyễn Thị Thu Trang	10/12/2000	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		89		89
62	TD2024072	Lê Thị Bích Thảo	03/06/1999	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		85		85
63	TD2024062	Nguyễn Quế Hương	17/11/1998	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80
64	TD2024067	Nguyễn Thế Nam	01/01/2001	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		70		70
65	TD2024070	Trần Hồng Tâm	20/07/1990	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65
66	TD2024066	Nguyễn Hà Hoài Nam	04/02/1994	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60
67	TD2024073	Bùi Thị Thùy Trang	26/11/1983	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		60		60
68	TD2024060	Trần Thị Vân Anh	21/06/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
69	TD2024061	Võ Thị Hồng	20/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
70	TD2024065	Lê Thị Ngọc Linh	02/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
71	TD2024068	Trần Thị Yến Nhi	02/05/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
72	TD2024074	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/05/1998	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
73	TD2024077	Đỗ Thái Minh Nhựt	08/10/2001	Nam	Giáo viên môn Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		90.5		90.5

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
74	TD2024078	Nguyễn Thị Vân Vân	26/06/1985	Nữ	Giáo viên môn Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79		79
75	TD2024076	Trịnh Thị Hương	27/11/1989	Nữ	Giáo viên môn Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5
76	TD2024084	Đoàn Trung Hiếu	02/03/1988	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		90.5		90.5
77	TD2024093	Nguyễn Xuân Tính	07/12/1979	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88.5		88.5
78	TD2024094	Vũ Thị Huyền Trang	14/11/1985	Nữ	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		88.5		88.5
79	TD2024085	Nguyễn Thị Kim Khánh	01/04/1998	Nữ	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		87		87
80	TD2024083	Nguyễn Văn Dương	23/12/1999	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		80		80
81	TD2024080	Nguyễn Gia Bảo	21/12/1997	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79.5		79.5
82	TD2024087	Trịnh Kim Mai	19/12/2002	Nữ	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		77.5		77.5
83	TD2024091	Trang Thanh Tâm	26/10/1992	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		75.5		75.5
84	TD2024082	Nguyễn Quốc Dũng	10/01/1990	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		74.5		74.5
85	TD2024081	Phạm Thị Trân Châu	12/06/2000	Nữ	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5
86	TD2024096	Lê Thị Như Ý	27/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		69.5		69.5

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
87	TD2024089	Cao Thanh Phúc	03/06/1996	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		64.5		64.5
88	TD2024086	Bích Văn Liêu	16/05/1989	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	15	5	20
89	TD2024079	Lê Nguyễn Xuân Anh	01/11/2002	Nữ	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
90	TD2024088	Ngô Tùng Nhân	10/02/1994	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
91	TD2024090	Nguyễn Thanh Tâm	03/04/2000	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
92	TD2024092	Phạm Duy Thor	24/09/2001	Nam	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
93	TD2024095	Nguyễn Thị Tuyên	10/08/2002	Nữ	Giáo viên môn Toán (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
94	TD2024103	Trần Mẫn Linh	14/04/1992	Nữ	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		92		92
95	TD2024097	Lê Thị Minh Anh	20/07/1998	Nữ	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91
96	TD2024102	Phạm Quang Khải	19/09/2000	Nam	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		90		90
97	TD2024107	Nguyễn Hữu Thiện	21/12/1999	Nam	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		87		87
98	TD2024106	Lê Thị Thu Phương	24/05/1985	Nữ	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83		83
99	TD2024108	Lê Thị Vân	18/03/1982	Nữ	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	79	5	84

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
100	TD2024109	Nguyễn Tường Vi	12/04/2000		Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73		73
101	TD2024098	Nguyễn Trần Cẩm Anh	07/02/2002	Nữ	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		71		71
102	TD2024101	Trần Hồng Hận	17/09/1990	Nam	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67
103	TD2024099	Nguyễn Thị Kim Cúc	13/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61		61
104	TD2024100	Nguyễn Linh Đãi	05/05/1990	Nam	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
105	TD2024104	Trần Khôi Nguyên	12/06/2002	Nam	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
106	TD2024105	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	05/01/1981	Nữ	Giáo viên môn Văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
107	TD2024114	Trần Bá Được	23/02/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		91		91
108	TD2024135	Nguyễn Thành Vinh	30/03/2002	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		83		83
109	TD2024131	Nguyễn Minh Trung	13/05/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		79		79
110	TD2024127	Cao Trần Anh Quốc	16/04/1999	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		73.5		73.5
111	TD2024120	Ngôn Quang Huy	17/08/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	2	71	5	76
112	TD2024129	Trần Quang Thịnh	16/05/1998	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		67		67

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
113	TD2024113	Lư Thị Kim Diệp	21/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		66		66
114	TD2024118	Trương Chí Hiếu	19/09/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		66		66
115	TD2024133	Phan Tô Anh Vĩ	31/12/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		65		65
116	TD2024132	Nguyễn Thanh Tuyền	05/10/2000	Nữ	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		63		63
117	TD2024110	Nguyễn Đức Anh	08/12/2000	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61		61
118	TD2024119	Đặng Phi Hùng	02/05/1987	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		61		61
119	TD2024123	Huỳnh Minh Khôi	13/10/2000	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		59		59
120	TD2024121	Lê Quang Khải	03/05/2002	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		57.5		57.5
121	TD2024115	Nguyễn Minh Đường	14/11/1982	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		56		56
122	TD2024124	Nguyễn Đình Quốc Long	17/05/2000	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51
123	TD2024130	Võ Quang Tĩnh	15/08/1983	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		51		51
124	TD2024126	Lê Thị Ngọc	21/08/2000	Nữ	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
125	TD2024111	Nguyễn Thị Lan Anh	09/11/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (1,2,3,4)	Điểm thi thực hành (đơn vị tính: điểm, tối đa 100 điểm)	Điểm ưu tiên	Điểm tổng (bao gồm điểm ưu tiên)
126	TD2024112	Phạm Nguyễn Tấn Cường	20/09/1984	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
127	TD2024116	Trương Hoàng Hải	19/06/1985	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
128	TD2024117	Trần Văn Hiếu	30/06/2002	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
129	TD2024122	Lê Nguyên Khoa	18/01/2001	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
130	TD2024125	Quách Trí Minh	30/11/2000	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
131	TD2024128	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	05/11/2002	Nữ	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
132	TD2024134	Châu Ngọc Vinh	08/10/1997	Nam	Giáo viên môn Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)		Vắng		Vắng
133	TD2024036	Nguyễn Thị Thanh Loan	28/04/1997	Nữ	thư viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06)		85.5		85.5
134	TD2024035	Nguyễn Vy Hoa	29/04/2000	Nữ	thư viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06)		80		80
135	TD2024037	Phạm Thị Quỳnh Phương	11/03/1991	Nữ	thư viện (Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06)		Vắng		Vắng

Danh sách có 135 thí sinh./.

Ghi chú:

- Diện ưu tiên:
- 1) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.
- 2) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động.
- 3) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong.
- 4) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân.